

Ngày 26/05/2026



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY



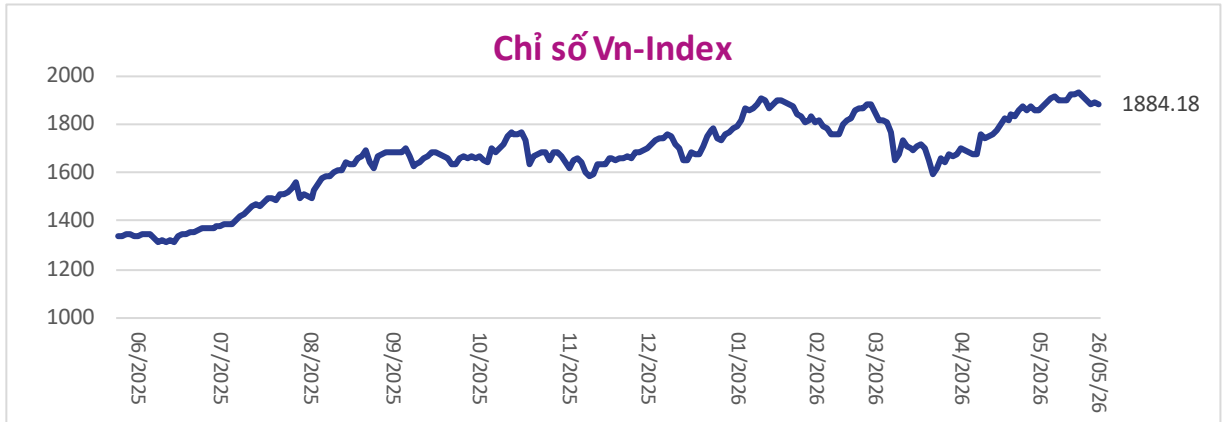
Tổng quan thị trường

(Cập nhật 14:45)

1884.18

-1.85

-0.10%



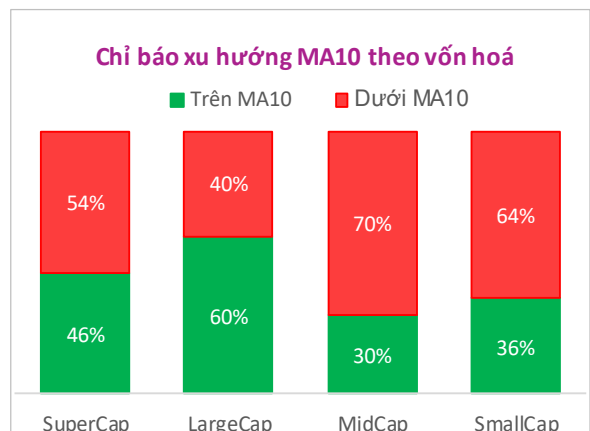
Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/05/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1884,18 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -1,85 điểm, và đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường cao hơn so với phiên giao dịch trước, tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VCB(+1,1%), BID(+1,4%), FPT(+1,4%), CTG(+1,3%), TCB(+1,1%), VPB(+2,2%), GVR(+2,5%), MBB(+2,8%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VHM(-3,1%), VIC(-2,7%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Trong khi chỉ báo dòng tiền AccDist có xu hướng tăng, thì chỉ báo OBV lại có xu hướng giảm.

Trong tháng 5/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -18.024 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -63.703 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 26/05, khối ngoại đã tiếp tục bán ròng -937 tỷ đồng.

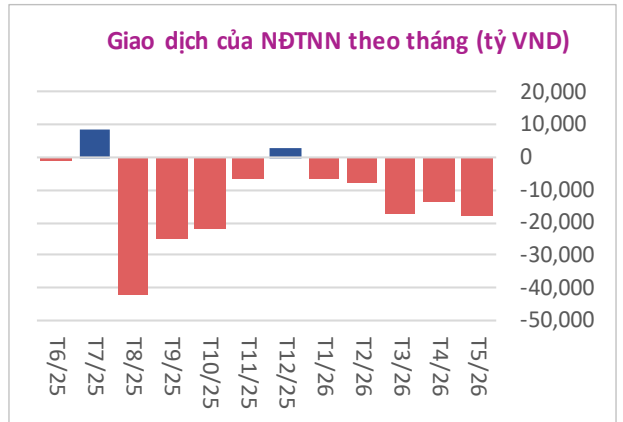
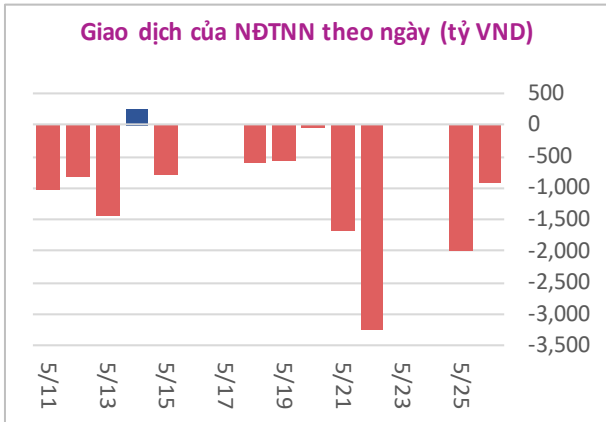
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã bơm 8.646 tỷ đồng. Như vậy, NHNN đã bơm ròng liên tục 5 phiên gần đây, cho thấy dấu hiệu hỗ trợ mạnh mẽ cho thanh khoản của hệ thống.

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

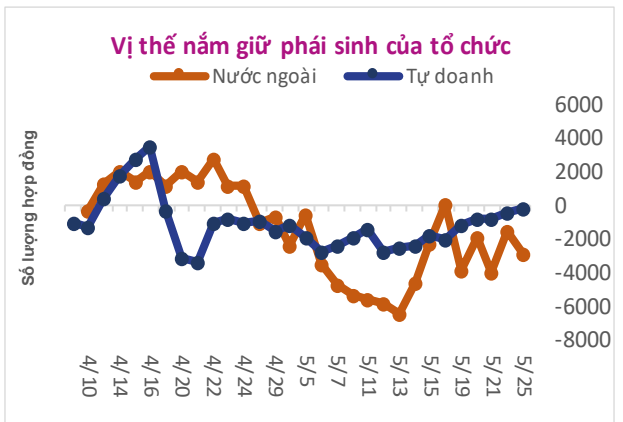
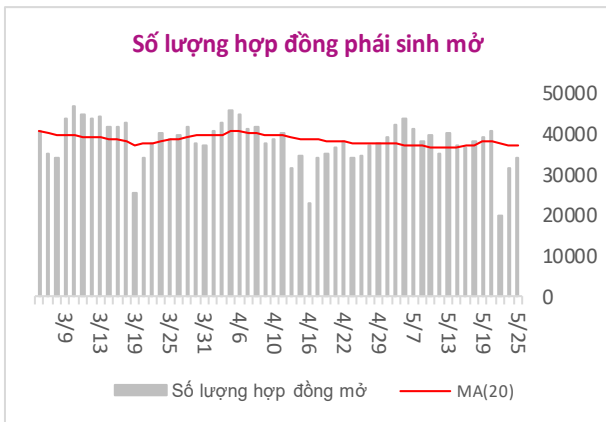
| Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành | | |
|----------------------------------|----------------|-------------|
| Ngân hàng ↑ | Bất động sản ↓ | Chứng khoán |
| Thép ↑ | Phân bón ↓ | Công nghệ ↓ |
| Dầu khí ↓ | Khu CN ↓ | Thủy sản ↓ |
| Bảo hiểm ↓ | Xây dựng ↓ | Cảng biển ↓ |
| Mía đường ↓ | Bán lẻ ↓ | Dệt may ↓ |



Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

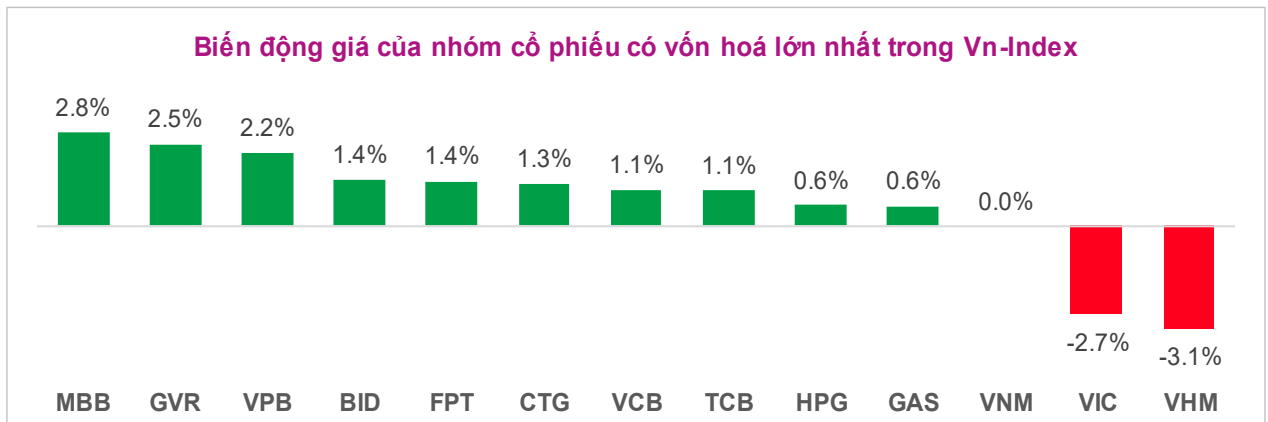


Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

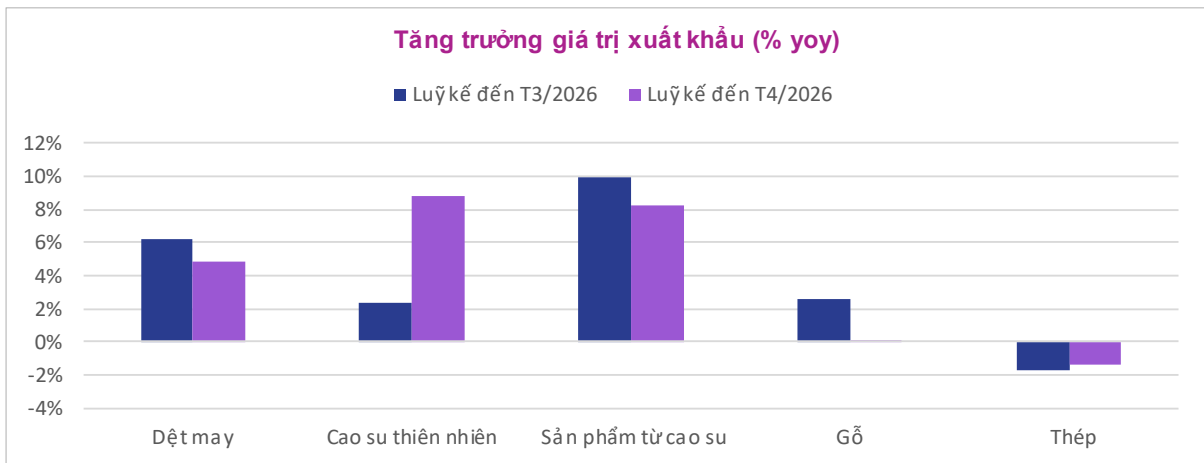
Nhóm dẫn dắt thị trường



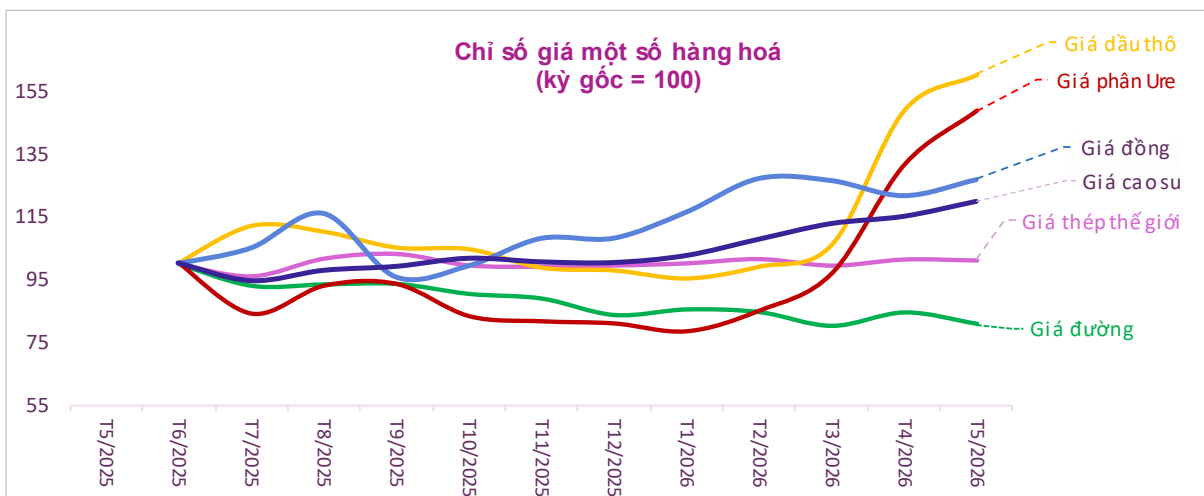
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu | 02/2026 | 03/2026 | 04/2026 | Nhận xét |
|--------------------------------|---------|---------|---------|---|
| Chỉ số PMI | 54.3 | 51.2 | 50.5 | PMI duy trì trên 50 điểm, nhưng sụt giảm đáng kể so với các tháng trước do chi phí đầu vào tăng |
| Sản xuất công nghiệp (YoY) | 1.0% | 6.9% | 9.9% | Duy trì đà tăng trưởng |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 8.5% | 12.1% | 12.1% | Tiêu dùng trong nước duy trì tăng trưởng tích cực. |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY) | 5.8% | 20.1% | 22.8% | Xuất khẩu duy trì tăng trưởng |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY) | 4.4% | 27.8% | 35.7% | Nhập khẩu duy trì tăng trưởng |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY) | 3.4% | 4.7% | 5.5% | Lạm phát tiếp tục tăng mạnh đáng lo ngại |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM) | -0.6% | 0.5% | 0.04% | Tỷ giá vẫn đang bình ổn |

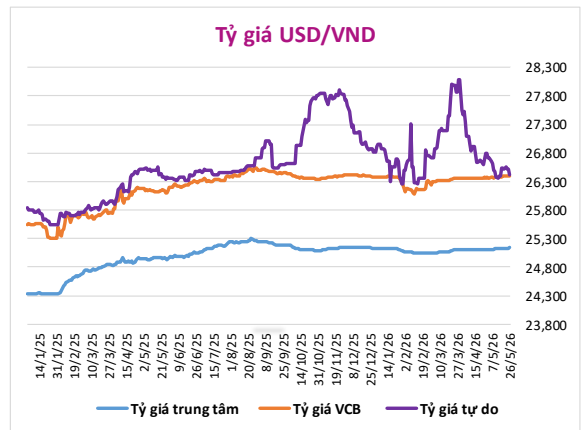
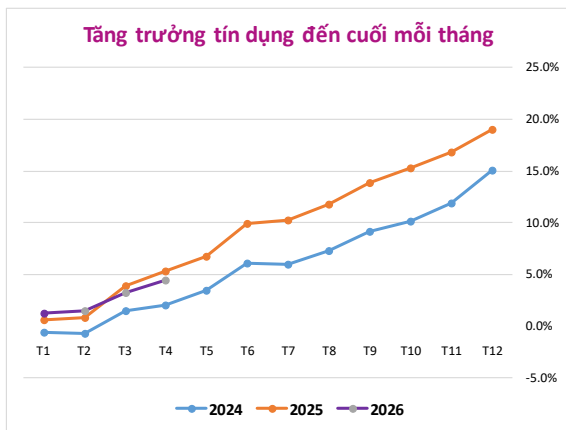
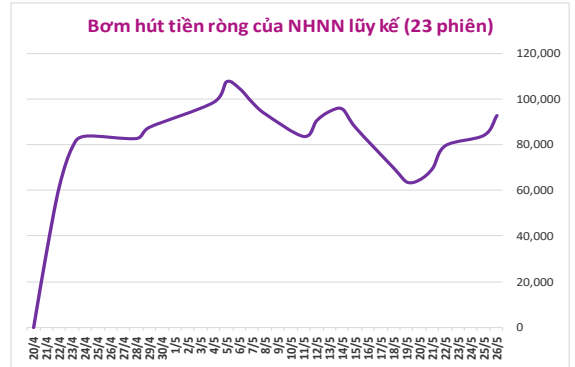
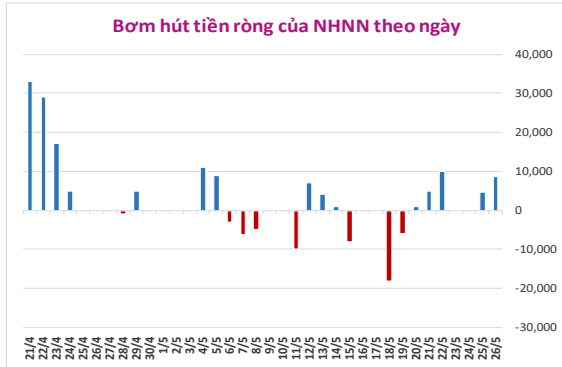
Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số hàng hoá



Chính sách tiền tệ



Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã | Ngành | Chỉ số cơ bản | | | | Chỉ số định giá | | | | Giá thị trường (26/5/26) | | |
|-----|-----|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|------------|--------|--------------------------|---------|---------|
| | | | % LNST Q3/25 (YoY) | % LNST Q4/25 (YoY) | Biên lợi nhuận ròng Q3/25 | Biên lợi nhuận ròng Q4/25 | ROE (TTM) Năm: 2025 (TTM) | ROA (TTM) Năm: 2025 (TTM) | Book Value | EPS | | P/B | P/E |
| 1 | ACB | Ngân hàng | 10.6% | -38.7% | 51.1% | 33.9% | 17.6% | 1.7% | 18,401 | 3,042 | 1.35 | 8.2 | 24,800 |
| 2 | ANV | Thủy sản | 915.5% | 4610.8% | 14.2% | 11.9% | 31.6% | 18.7% | 13,226 | 3,748 | 1.68 | 5.9 | 22,200 |
| 3 | BFC | Phân bón | 14.0% | -29.9% | 3.6% | 2.8% | 19.3% | 8.6% | 29,657 | 7,003 | 1.92 | 8.1 | 57,000 |
| 4 | BID | Ngân hàng | 16.7% | 45.3% | 28.8% | 38.2% | 18.8% | 1.0% | 24,726 | 4,342 | 1.76 | 10.0 | 43,600 |
| 5 | BMP | VLXD | 21.0% | 13.2% | 22.9% | 20.3% | 44.0% | 37.4% | 35,151 | 15,010 | 3.98 | 9.3 | 139,900 |
| 6 | BSR | Đầu khí | 175.1% | 3739.7% | 2.6% | 8.1% | 8.9% | 6.0% | 12,079 | 1,036 | 2.36 | 27.5 | 28,500 |
| 7 | CTD | Xây dựng | 217.2% | 117.8% | 4.0% | 2.3% | 8.6% | 2.5% | 90,563 | 7,540 | 0.82 | 9.8 | 74,100 |
| 8 | CTG | Ngân hàng | 63.9% | 12.3% | 37.8% | 47.4% | 21.1% | 1.3% | 23,129 | 4,488 | 1.52 | 7.9 | 35,250 |
| 9 | CTR | Xây dựng | 15.5% | 8.8% | 4.3% | 4.1% | 30.5% | 7.8% | 18,086 | 5,242 | 5.00 | 17.3 | 90,500 |
| 10 | DCM | Phân bón | 171.9% | 16.6% | 11.0% | 10.3% | 18.7% | 11.7% | 20,390 | 3,706 | 2.00 | 11.0 | 40,700 |
| 11 | DGC | Hóa chất | 9.0% | -16.3% | 28.6% | 24.0% | 20.8% | 17.1% | 40,566 | 8,397 | 1.18 | 5.7 | 47,900 |
| 12 | DGW | Bán lẻ | 39.2% | 10.3% | 2.3% | 2.0% | 16.9% | 5.5% | 15,690 | 2,508 | 2.64 | 16.5 | 41,450 |
| 13 | DHA | Khai thác đá | 111.3% | 146.3% | 32.8% | 18.4% | 24.0% | 21.7% | 32,319 | 7,258 | 1.52 | 6.8 | 49,000 |
| 14 | FOX | Viễn thông | 26.2% | 22.8% | 18.4% | 17.3% | 31.2% | 13.7% | 15,202 | 4,719 | 5.38 | 17.3 | 81,800 |
| 15 | FPT | Phần mềm | 17.1% | 19.5% | 16.9% | 14.8% | 23.6% | 11.7% | 25,683 | 6,590 | 2.90 | 11.3 | 74,500 |
| 16 | GAS | Đầu khí | 1.3% | -32.4% | 7.3% | 3.2% | 17.7% | 13.0% | 28,038 | 4,796 | 2.94 | 17.2 | 82,500 |
| 17 | GEG | Điện | 267.5% | 676.3% | 11.9% | 16.3% | 11.5% | 4.6% | 15,665 | 2,282 | 0.89 | 6.1 | 14,000 |
| 18 | GMD | Dịch vụ | -3.6% | 76.4% | 27.7% | 40.9% | 11.7% | 8.9% | 34,842 | 5,162 | 2.17 | 14.63 | 75,500 |
| 19 | HAG | Nông nghiệp | 23.1% | 345.5% | 22.8% | 50.7% | 18.1% | 8.6% | 11,191 | 1,762 | 1.38 | 8.74 | 15,400 |
| 20 | HDG | Bất động sản | 85.0% | 482.5% | 47.2% | 42.2% | 9.0% | 4.9% | 22,644 | 2,570 | 1.04 | 9.14 | 23,500 |
| 21 | HHV | Xây dựng | 23.3% | 58.1% | 16.7% | 16.7% | 5.1% | 1.5% | 24,481 | 1,364 | 0.49 | 8.72 | 11,900 |
| 22 | HPG | Thép | 32.8% | 38.4% | 11.0% | 8.4% | 12.6% | 6.4% | 17,096 | 2,021 | 1.42 | 12.00 | 24,250 |
| 23 | HT1 | Xi măng | 278.5% | 413.6% | 4.6% | 4.3% | 5.5% | 3.5% | 13,336 | 718 | 1.05 | 19.43 | 13,950 |
| 24 | KBC | Bất động sản | 54.8% | 2477.5% | 23.2% | 40.3% | 9.1% | 3.8% | 28,399 | 2,365 | 1.10 | 13.24 | 31,300 |
| 25 | KDH | Bất động sản | 692.5% | 101.7% | 47.9% | 43.7% | 5.2% | 3.2% | 18,865 | 1,456 | 1.24 | 16.01 | 23,300 |
| 26 | LCG | Xây dựng | 9.6% | 130.2% | 7.1% | 4.7% | 5.7% | 2.2% | 13,112 | 723 | 0.70 | 12.74 | 9,210 |
| 27 | MCH | Thực phẩm | -18.9% | -11.1% | 22.6% | 22.7% | 44.5% | 21.6% | 17,480 | 6,336 | 7.54 | 20.80 | 131,800 |
| 28 | MML | Thực phẩm | 419.5% | 79.6% | 4.3% | 6.3% | 11.6% | 5.0% | 15,282 | 1,819 | 2.02 | 16.99 | 30,900 |
| 29 | MSH | Hàng May mặc | 54.2% | 17.4% | 12.2% | 14.6% | 28.7% | 13.3% | 19,626 | 5,962 | 1.78 | 5.85 | 34,900 |
| 30 | MSN | Thực phẩm | 43.4% | 48.4% | 8.8% | 9.9% | 9.6% | 3.0% | 29,647 | 4,448 | 2.60 | 17.31 | 77,000 |
| 31 | MSR | Khai khoáng | 101.5% | 207.9% | 0.3% | 9.3% | 0.1% | 0.0% | 11,076 | 10 | 3.69 | 3983.28 | 40,900 |
| 32 | MWG | Bán lẻ | 121.4% | 144.9% | 4.5% | 4.9% | 23.0% | 9.1% | 22,575 | 4,814 | 3.48 | 16.31 | 78,500 |
| 33 | NAF | Nước trái cây | 55.8% | 26.3% | 7.0% | 7.6% | 16.5% | 6.7% | 11,491 | 2,140 | 4.55 | 24.44 | 52,300 |
| 34 | NLG | Bất động sản | 679.5% | -62.1% | 12.5% | 29.6% | 4.8% | 2.5% | 30,559 | 1,951 | 0.87 | 13.64 | 26,600 |
| 35 | NT2 | Điện | 383.5% | 641.4% | 11.1% | 21.9% | 25.0% | 12.6% | 16,880 | 3,926 | 1.35 | 5.82 | 22,850 |
| 36 | NTP | VLXD | 49.9% | -6.3% | 16.0% | 10.8% | 25.1% | 14.8% | 24,742 | 5,805 | 2.39 | 10.20 | 59,200 |
| 37 | PLX | Đầu khí | 441.0% | 14.2% | 0.8% | 0.9% | 9.2% | 3.2% | 22,781 | 2,305 | 1.76 | 17.36 | 40,000 |
| 38 | POW | Điện | 109.2% | 585.3% | 12.1% | 7.9% | 6.5% | 2.8% | 13,307 | 1,019 | 1.03 | 13.39 | 13,650 |
| 39 | PVS | Đầu khí | 73.3% | 73.5% | 3.5% | 9.9% | 11.8% | 5.0% | 31,694 | 3,722 | 1.21 | 10.34 | 38,500 |
| 40 | QNS | Đường | -28.4% | -2.8% | 14.2% | 22.4% | 18.6% | 13.6% | 28,956 | 5,231 | 1.68 | 9.31 | 48,700 |
| 41 | SBT | Đường | -13.0% | -19.2% | 3.7% | 2.8% | 6.7% | 2.2% | 13,938 | 866 | 1.51 | 24.25 | 21,000 |
| 42 | SHB | Ngân hàng | 49.8% | 8.3% | 40.7% | 39.0% | 19.1% | 1.5% | 14,800 | 2,605 | 0.93 | 5.30 | 13,800 |
| 43 | SIP | Bất động sản | 21.7% | 6.3% | 17.1% | 17.4% | 25.3% | 5.0% | 24,181 | 6,303 | 2.14 | 8.22 | 51,800 |
| 44 | STB | Ngân hàng | 31.8% | -176.5% | 33.0% | -35.8% | 10.3% | 0.7% | 31,756 | 3,150 | 2.19 | 22.09 | 69,600 |
| 45 | TCB | Ngân hàng | 14.2% | 104.1% | 46.4% | 47.2% | 15.4% | 2.3% | 25,331 | 3,663 | 1.30 | 8.98 | 32,900 |
| 46 | TCM | Hàng May mặc | -21.4% | -24.2% | 7.1% | 5.4% | 11.4% | 6.7% | 21,823 | 2,419 | 0.98 | 8.82 | 21,350 |
| 47 | TRC | Cao su | 60.4% | -68.8% | 49.0% | 15.2% | 13.1% | 11.5% | 69,312 | 8,669 | 1.09 | 8.71 | 75,500 |
| 48 | VCB | Ngân hàng | 5.3% | 0.7% | 50.0% | 45.0% | 16.6% | 1.6% | 27,231 | 4,213 | 2.36 | 15.29 | 64,400 |
| 49 | VGT | Hàng May mặc | 56.0% | 57.7% | 7.1% | 8.4% | 9.1% | 4.4% | 20,090 | 2,666 | 0.59 | 4.46 | 11,900 |
| 50 | VHC | Thủy sản | 33.5% | -43.4% | 13.1% | 9.0% | 14.4% | 10.6% | 44,495 | 6,465 | 1.34 | 9.20 | 59,500 |
| 51 | VJC | Hàng không | -43.9% | 43618.4% | 1.9% | 1.7% | 10.1% | 1.8% | 42,005 | 3,589 | 4.11 | 48.09 | 172,600 |
| 52 | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5% | 31.7% | 14.8% | 16.6% | 26.6% | 17.4% | 16,499 | 4,504 | 3.58 | 13.12 | 59,100 |
| 53 | VPB | Ngân hàng | 76.8% | 61.1% | 36.6% | 36.2% | 14.6% | 2.2% | 22,722 | 3,070 | 1.21 | 8.99 | 27,600 |
| 54 | VTP | Vận tải | -20.2% | 17.3% | 1.7% | 2.6% | 24.1% | 5.8% | 14,519 | 3,348 | 4.58 | 19.86 | 66,500 |

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.